

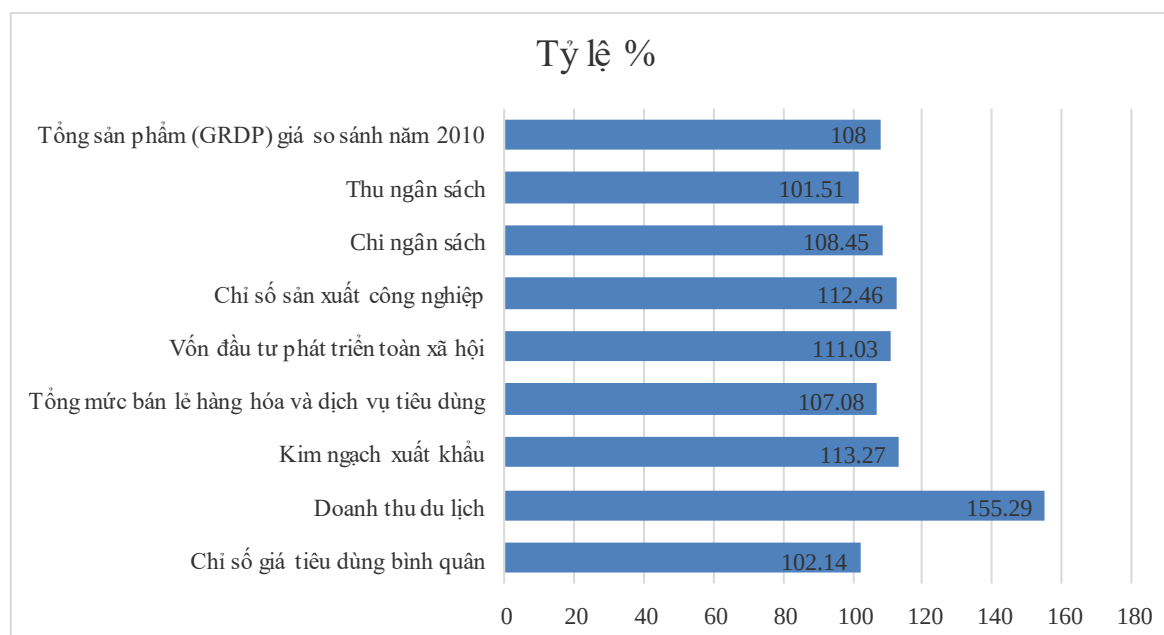
Số: /BC-DVVLKH

Khánh Hòa, ngày 07 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG QUÝ I
VÀ DỰ BÁO NHU CẦU NHÂN LỰC QUÝ II NĂM 2022

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

Tốc độ phát triển của các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu quý I năm 2022 so với cùng kỳ năm trước của tỉnh Khánh Hòa. *Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa.*



Hình 1: Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu quý I năm 2022

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá so sánh năm 2010) tăng 8%, trong đó GRDP phân theo ngành kinh tế tăng 8,9%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 12,46%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 7,08%; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 13,27%; doanh thu du lịch tăng 55,29%; thu ngân sách Nhà nước tăng 1,5%; chi ngân sách Nhà nước tăng 8,45%...

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá so sánh 2010) quý I/2022 ước được 12.262 tỷ đồng, tăng 8% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,19%; khu vực dịch vụ tăng 8,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,14%.

Khu vực công nghiệp - xây dựng có mức tăng trưởng dương 11,19% so cùng kỳ năm trước, là khu vực có mức tăng cao nhất trong 3 khu vực kinh tế đánh dấu sự phục hồi hoạt động sản xuất sau hơn hai năm chịu ảnh hưởng của

dịch bệnh COVID-19. Trong đó, ngành công nghiệp tăng 11,42% làm tăng 2,57 điểm phần trăm trong tốc độ tăng của toàn nền kinh tế; ngành xây dựng tăng 10,54%, đóng góp tăng 0,86 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng.

Khu vực dịch vụ, là ngành có mức đóng góp tỷ trọng cao nhất trong GRDP toàn tỉnh, cũng dần hồi phục trở lại với mức tăng trưởng dương 8,5% so cùng kỳ năm trước. Hoạt động thương mại, du lịch, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đã chuyển sang trạng thái bình thường mới với phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”, đặc biệt hoạt động du lịch lữ hành, khách sạn và nhà hàng đã có những tín hiệu tích cực. Các ngành thương mại, dịch vụ có tỷ trọng lớn đều có mức tăng trưởng khá như: Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 21,75%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 23,55%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,06%; vận tải kho bãi tăng 6,77%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ tăng 5,81%; giáo dục và đào tạo tăng 4,75%; thương mại tăng 2,37%...



Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 4%



Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,19%



Khu vực dịch vụ tăng 8,5%



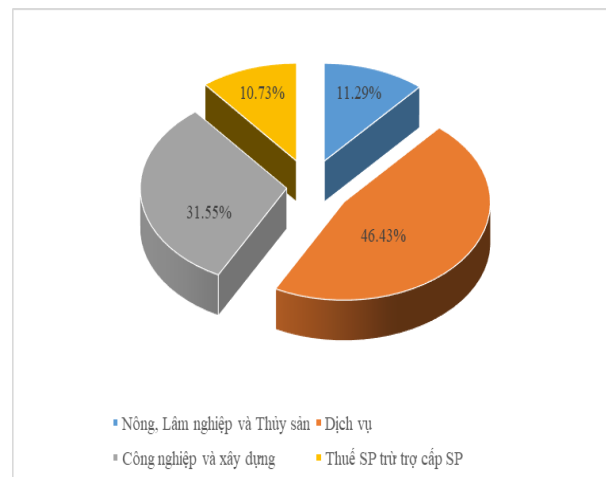
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,14%

2. Cơ cấu GRDP theo giá hiện hành

Về cơ cấu nền kinh tế:

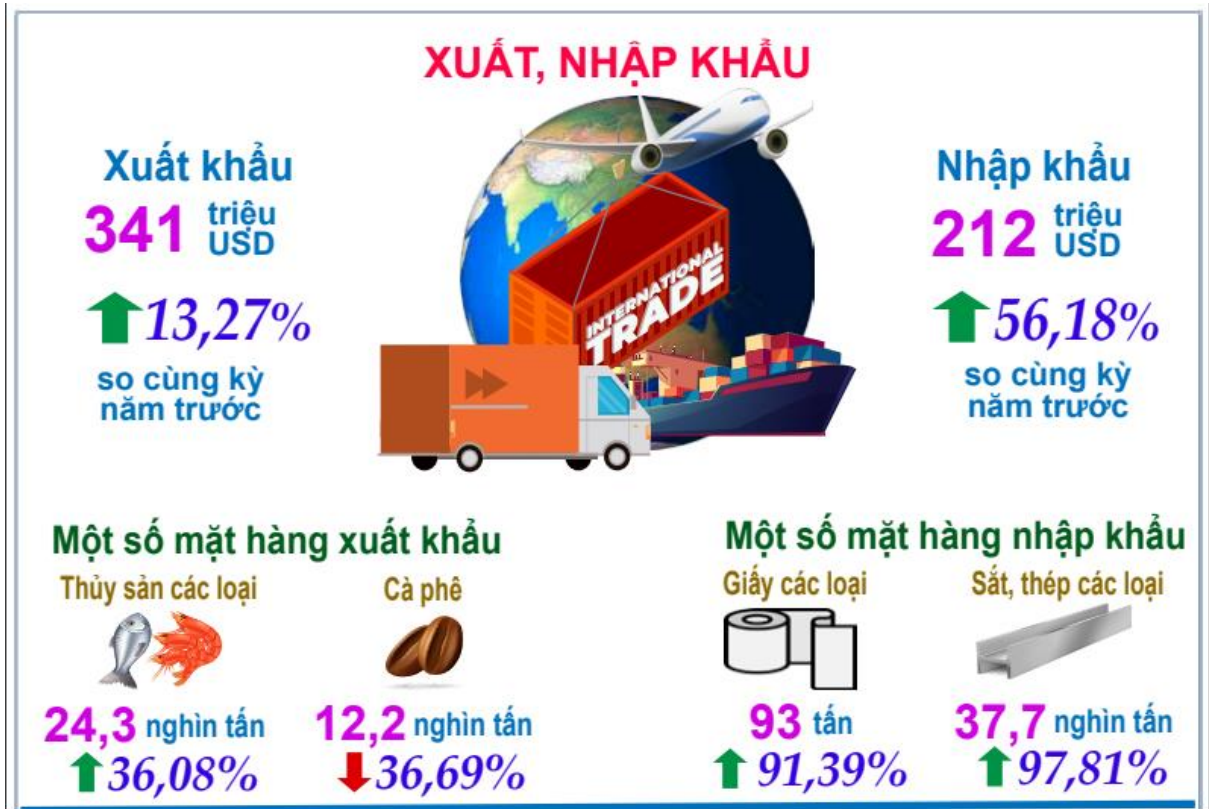
- Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,29%,
- Ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 31,55%,
- Ngành dịch vụ chiếm 46,43%,
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,73%.

(Cơ cấu tương ứng của quý I/2021 là: 11,64%; 29,78%; 47,17%; 11,41%).



Hình 2: Cơ cấu GRDP theo giá hiện hành

3. Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu

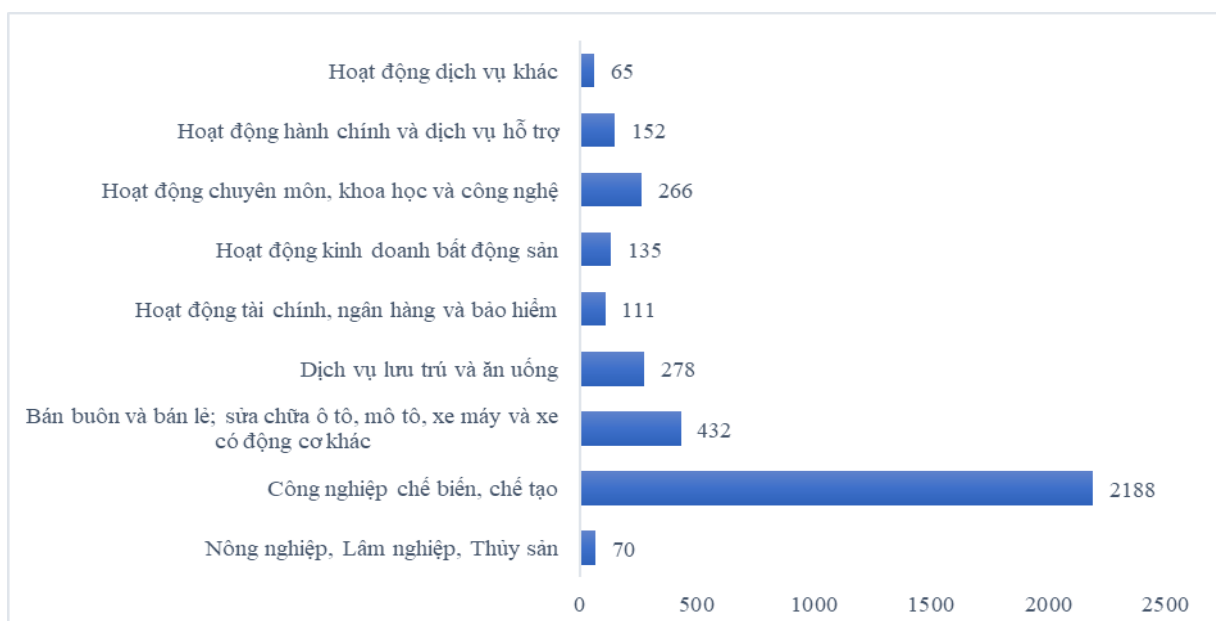


II. XU HƯỚNG TUYỂN DỤNG VÀ TÌM VIỆC LÀM

Trong quý I/2022, Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa đã thực hiện khảo sát, thu thập cung – cầu lao động trên địa bàn tỉnh thông qua các doanh nghiệp, các kênh thông tin việc làm của 401 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng 3.873 vị trí; 1.670 lao động có nhu cầu tìm việc làm. Tổng hợp phân tích kết quả khảo sát như sau:

1. Nhu cầu tuyển dụng lao động

Các nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng cao nhất quý I/2022:



Hình 3: Nhu cầu tuyển dụng lao động quý I/2022

Phân theo trình độ đào tạo:

Cơ cấu nhu cầu tuyển dụng lao động trong quý phân theo trình độ đào tạo:

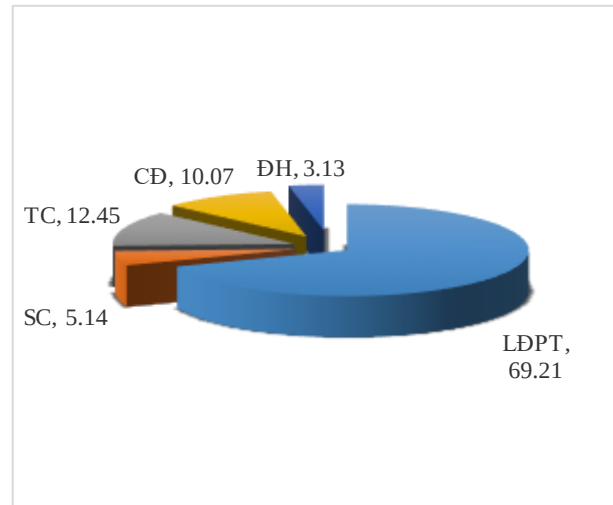
- Lao động phổ thông chiếm 69,21% chủ yếu tuyển dụng các vị trí Nhân viên giao hàng, Nhân viên tín dụng, Bất động sản, Bảo hiểm, giúp việc nhà...;

- Sơ cấp 5,14% chủ yếu tuyển dụng nhân viên bếp, bartender, nhân viên kinh doanh...;

- Trung cấp 12,45%;

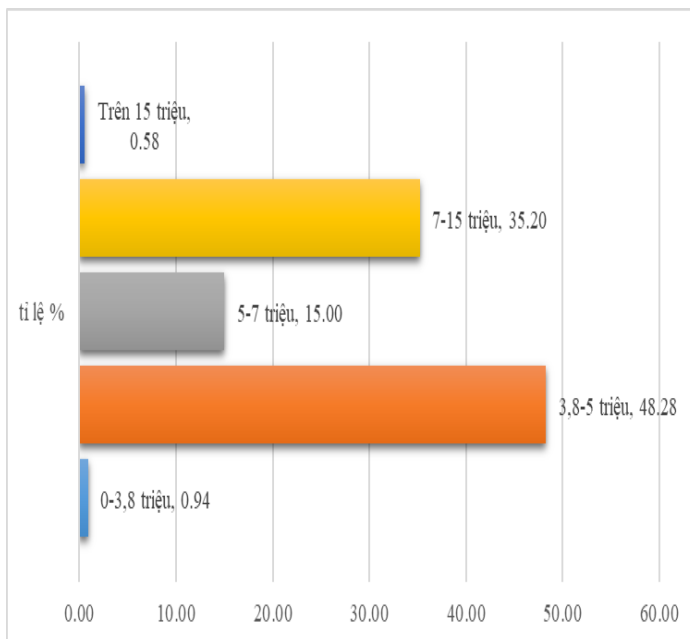
- Cao đẳng 10,07%;

- Đại học và Trên đại học chiếm 3,13% chủ yếu ở các vị trí Trưởng phòng, Kỹ sư xây dựng, Quản lý dự án, Kế toán trưởng...



Hình 4: Cơ cấu nhu cầu tuyển dụng theo trình độ đào tạo

Phân theo mức lương:



Hình 5: Cơ cấu nhu cầu tuyển dụng theo mức lương

Nhu cầu tuyển dụng lao động trong quý phân theo mức lương:

- Dưới 3,8 triệu chiếm 0,94% Tập vụ, Nhân viên phục vụ...;

- Từ 3,8 – 5 triệu chiếm 48,28% ở các vị trí Nhân viên kho, Lễ tân, Bảo vệ...;

- Từ 5 – 7 triệu chiếm 15,00% chủ yếu tuyển các vị trí Nhân viên kinh doanh, Sales...;

- Từ 7 – 15 triệu chiếm 35,20% chủ yếu ở các vị trí Quản lý, Trưởng phòng, giám sát, Kỹ sư...;

- Trên 15 triệu chiếm 0,58%.

Phân theo kinh nghiệm:

Nhu cầu tuyển dụng lao động phân theo kinh nghiệm:

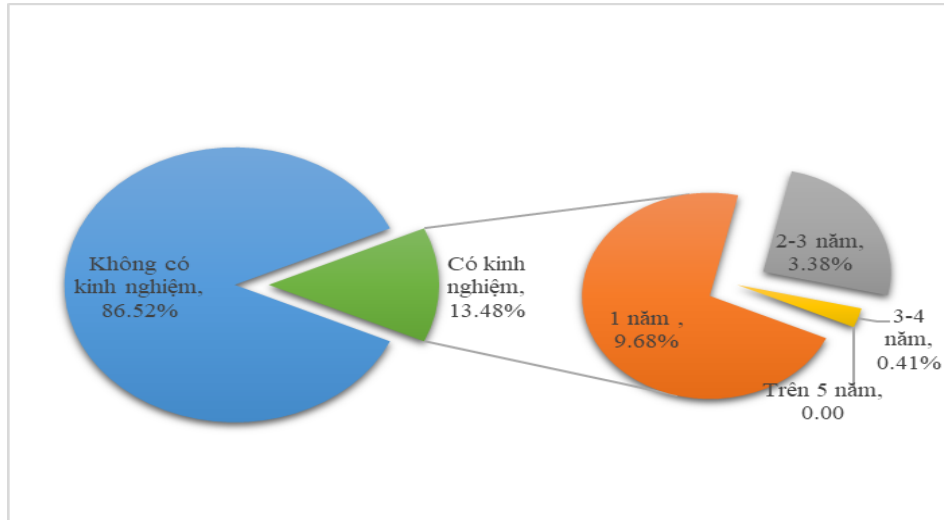
- Không yêu cầu kinh nghiệm chiếm 86,52%;

- Yêu cầu kinh nghiệm chiếm 13,48%. Trong đó:

+ 1 năm chiếm 9,68%;

+ 2 – 3 năm chiếm 3,38%;

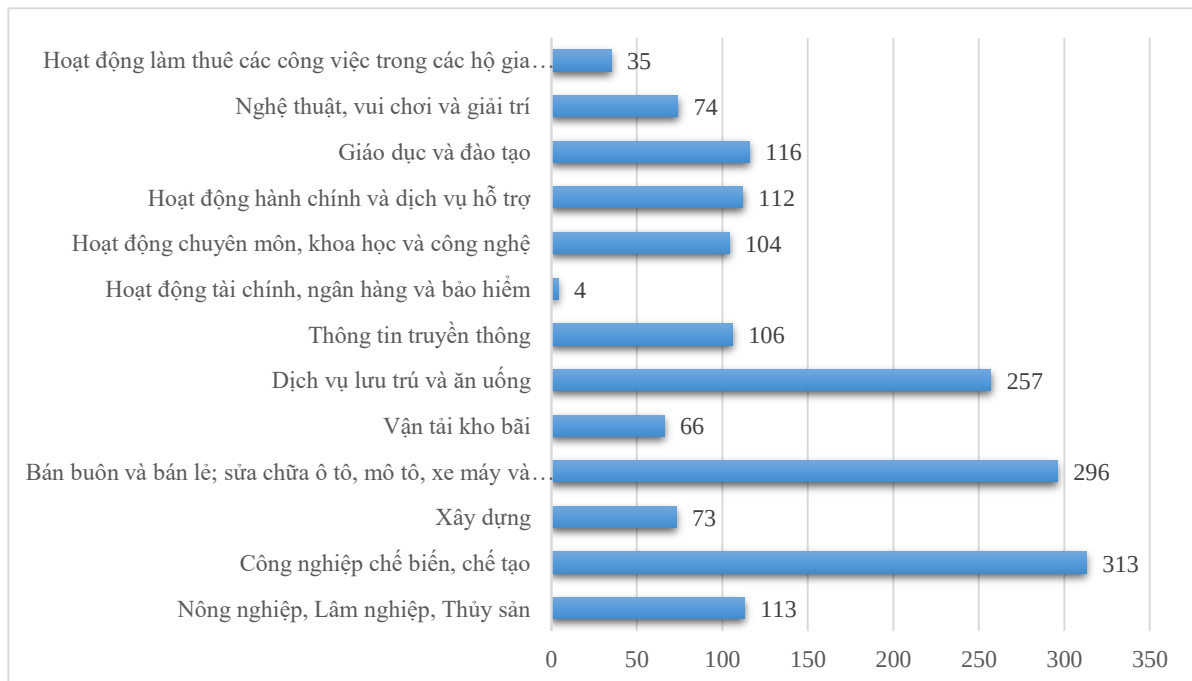
+ 3 – 4 năm chiếm 0,41%.



Hình 6: Cơ cấu nhu cầu tuyển dụng theo kinh nghiệm

2. Nhu cầu tìm việc làm

Qua khảo sát tại Trung tâm Dịch vụ việc làm, số lao động có nhu cầu tìm việc quý I/2022 là 1.670 người, tập trung chủ yếu ở các nhóm ngành như: Công nghiệp chế biến, chế tạo (18,75%), Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (17,74%), Dịch vụ lưu trú và ăn uống (15,40%), Giáo dục và đào tạo (6,95%), Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (6,71%).



Hình 7: Một số nhóm ngành nghề có nhu cầu tìm việc cao trong quý

Về trình độ lao động: Theo kết quả khảo sát trình độ của người tìm việc trong quý như sau:

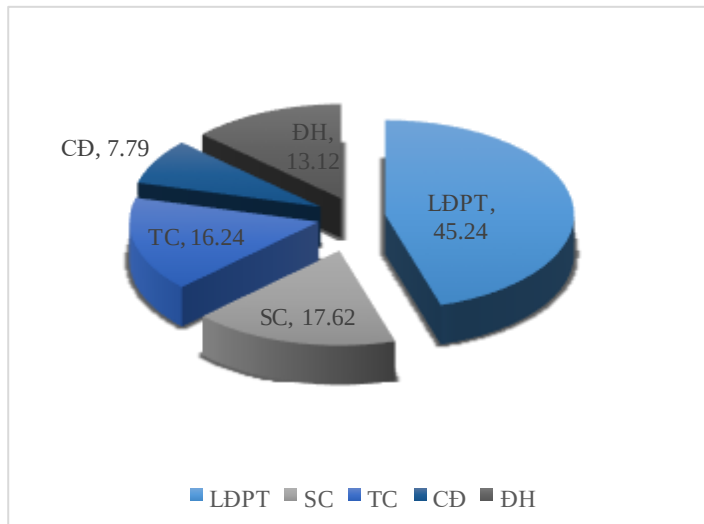
- Trình độ Đại học và trên Đại học chiếm 13,12%, chủ yếu ở các nhóm ngành Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ, Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác ...

- Trình độ Cao đẳng chiếm 7,79% chủ yếu ở các nhóm ngành Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Công nghiệp chế biến chế tạo...

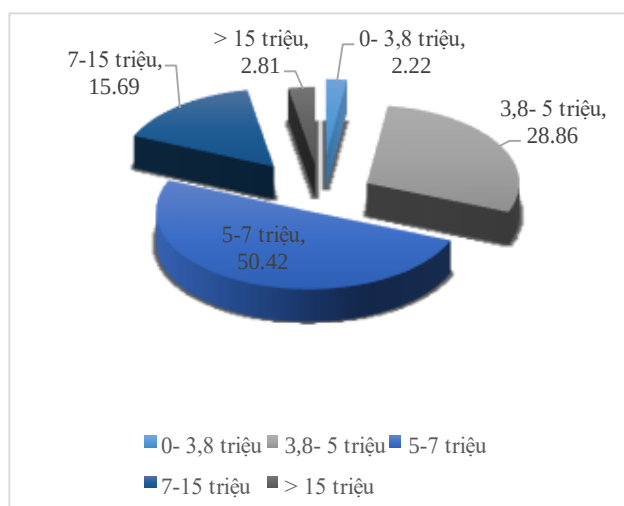
- Trình độ Trung cấp chiếm 16,24% chủ yếu ở các nhóm ngành Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Thông tin truyền thông; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ...

- Trình độ Sơ cấp nghề chiếm 17,62% chủ yếu ở nhóm Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Giáo dục và đào tạo; Nghệ thuật, vui chơi và giải trí; Dịch vụ lưu trú và ăn uống ...

- Lao động phổ thông chiếm 45,24% chủ yếu ở các nhóm ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác...



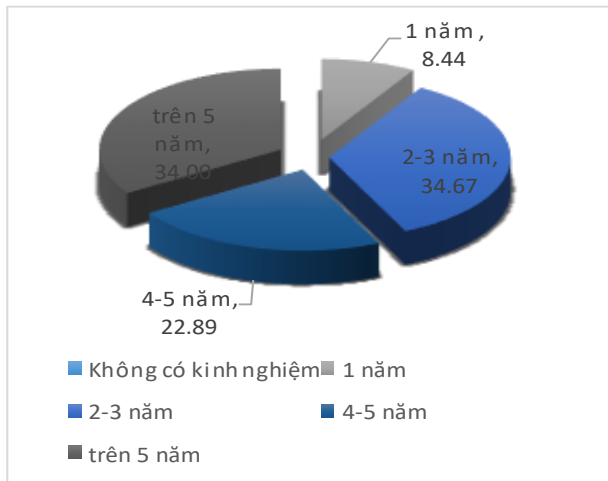
Hình 8: Nhu cầu tìm việc theo trình độ trong quý



Hình 9: Nhu cầu tìm việc theo mức lương

Về mức lương: Mức lương của lao động có nhu cầu tìm việc quý I/2022 cụ thể như sau:

- Dưới 3,8 triệu chiếm 0,81%;
- Từ 3,8 triệu – 05 triệu chiếm 28,86%;
- Từ 5 triệu đến 7 triệu chiếm 50,42%;
- Từ 7 triệu đến 15 triệu chiếm 15,69%;
- Trên 15 triệu chiếm 2,81%.



Hình 10: Nhu cầu tìm việc theo kinh nghiệm

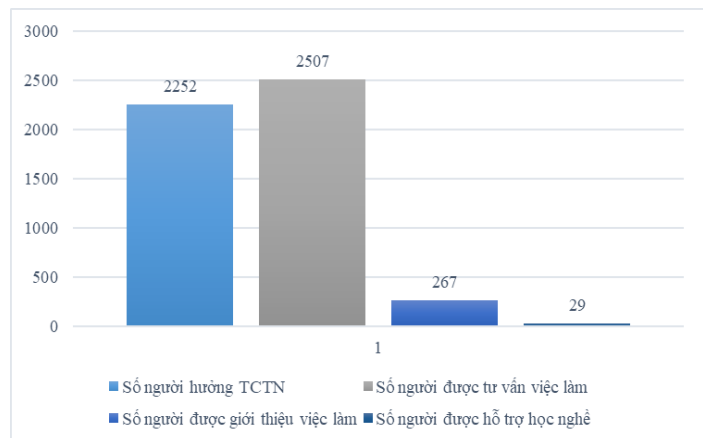
Công nghiệp chế biến, chế tạo; Giáo dục và đào tạo...

III. CHÍNH SÁCH THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

1. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN):

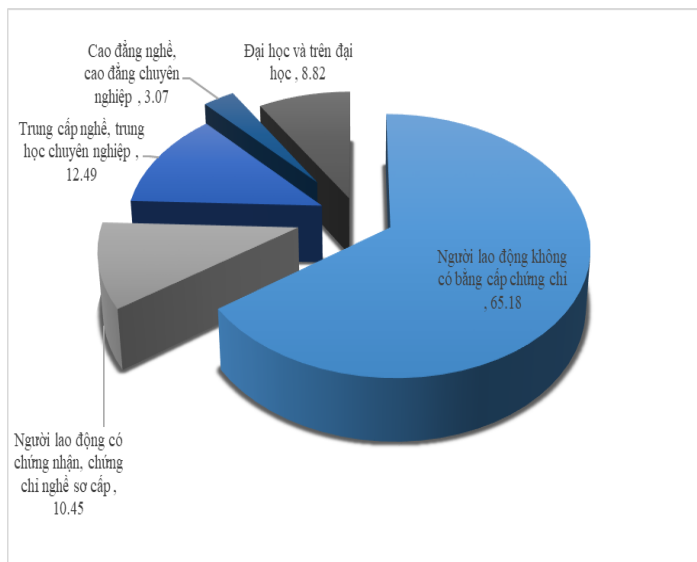
Trong quý I/2022, kết quả công tác BHTN:

- Số người được hưởng Trợ cấp thất nghiệp là 2.252 người;
- Số người được tư vấn việc làm là 2.507 người;
- Giới thiệu việc làm cho 267 người có việc làm;
- Hỗ trợ học nghề cho 29 người.



Hình 11: Các chỉ tiêu BHTN trong quý I/2022

1.1. Cơ cấu người đăng ký BHTN theo trình độ:



Hình 12: Cơ cấu người đăng ký BHTN theo trình độ

Về kinh nghiệm: Theo kết quả khảo sát nhu cầu tìm việc trong quý phân theo kinh nghiệm như sau:

- 1 năm kinh nghiệm chiếm 8,44%;
- Từ 2 - 3 năm kinh nghiệm chiếm 34,67%;
- Từ 4 - 5 năm kinh nghiệm chiếm 22,89% chủ yếu ở nhóm ngành Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác..;
- Trên 5 năm kinh nghiệm chiếm 34%. Chủ yếu ở các nhóm ngành

Cơ cấu người đăng ký BHTN theo trình độ:

- Người lao động không có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 65,18%;
- Người lao động có chứng nhận, chứng chỉ nghề sơ cấp chiếm 10,45%;
- Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp chiếm 12,49%;

- Cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp chiếm 3,07%;
- Đại học và trên đại học chiếm 8,82%.

1.2. Nguyên nhân thất nghiệp:

Nguyên nhân thất nghiệp trong quý I/2022:

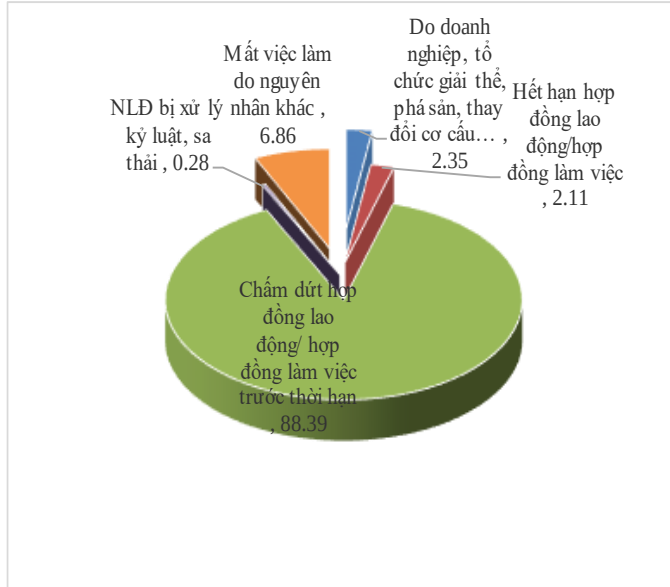
- Chấm dứt hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc trước thời hạn chiếm 88,39%;

- Người lao động bị xử lý kỷ luật, sa thải chiếm 0,28%;

- Do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu... chiếm 2,35%;

- Hết hạn hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc chiếm 2,11%;

- Mất việc làm do nguyên nhân khác chiếm 6,86%.



Hình 13: Nguyên nhân thất nghiệp quý I/2022

1.3. Cơ cấu người đăng ký BHTN theo ngành làm việc:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,19%;
- Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 0,60%;
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí chiếm 0,48%;
- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải chiếm 0,24%;
- Xây dựng chiếm 2,03%;
- Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm 0,64%;
- Vận tải, kho bãi chiếm 0,88%;
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống 3,67%;
- Thông tin và truyền thông chiếm 0,44%;
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm 1,44%;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 0,16%;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chiếm 0,52%;
- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ chiếm 0,80%;
- Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT – XH, QLNN, ANQP, BĐXH bắt buộc chiếm 1,20%;

- Giáo dục và đào tạo chiếm 6,30%;
- Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội chiếm 1,24%;
- Hoạt động dịch vụ khác chiếm 75,51%;
- Hoạt động làm thuê và các công việc trong hộ gia đình chiếm 1,68%.

1.4. Cơ cấu người đăng ký BHTN theo nghề làm việc:

- Kế toán chiếm 4.91%;
- Nhân viên bán hàng chiếm 4.35%;
- Tư vấn tài chính, đầu tư chiếm 0.96%;
- Giao dịch viên ngân hàng chiếm 0.24%;
- Phân tích phát triển phần mềm và các ứng dụng chiếm 0.04%;
- Kỹ thuật xây dựng chiếm 0.48%;
- Kỹ thuật viên điện tử chiếm 2.07%;
- Luật sư chiếm 0.04%;
- Bác sỹ y khoa chiếm 0.12%;
- Giáo viên dạy nghề chiếm 0.04%;
- Lao động trồng trọt và làm vườn chiếm 0.04%;
- Đầu bếp chiếm 1.12%;
- Hướng dẫn viên du lịch chiếm 0.08%;
- Thợ hàn chiếm 1.48%;
- Thợ may, thêu và các thợ có liên quan chiếm 2.83%;
- Thợ lắp ráp chiếm 0.16%;
- Lái xe khách, xe tải, xe máy chiếm 4.27%;
- Người quét dọn và giúp việc gia đình, khách sạn và văn phòng chiếm 1.32%;
- Nhân viên dịch vụ bảo vệ chiếm 2.39%;
- Người đưa tin, người giao hàng chiếm 0.48%;
- Nghề nghiệp khác chiếm 72.60%.

2. Xuất khẩu lao động:

Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa thường xuyên phối hợp với các công ty xuất khẩu lao động, Trung tâm lao động ngoài nước để cập nhật các thông tin về xuất khẩu lao động và đăng thông tin nhu cầu tuyển dụng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (XKLĐ) trên bảng thông tin tuyển dụng tại Trung tâm và tại trang thông tin điện tử thongtinvieclamkhanhhoa.vn để tạo nguồn XKLĐ lao động.

Trong quý I.2022, Trung tâm đã tư vấn cho 45 lao động có nhu cầu tìm hiểu tham gia Chương trình đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng lao động.

Trong đó, thị trường Nhật Bản 34 người, thị trường Đài Loan 08 người, thị trường Hàn Quốc 06 người, các thị trường khác 04 người.

Kết quả tạo nguồn xuất khẩu lao động trong quý: thị trường Hàn Quốc 13 người (Chương trình EPS), thị trường Nhật Bản 02 người, thị trường Đài Loan 01 người.

II. DỰ BÁO NHU CẦU LAO ĐỘNG QUÝ II/2022

Tỉnh Khánh Hòa quý II/2022 dự báo có nhiều khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như: Tăng trưởng kinh tế không thể nằm ngoài tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, căng thẳng địa chính trị cùng các biện pháp cấm vận của Mỹ và phương Tây đối với Nga sẽ gây nhiều khó khăn đến các ngành kinh tế như du lịch, xuất khẩu trong thời gian tới; giá xăng, dầu cùng với các nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất liên tục tăng đã gây áp lực đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế; một bộ phận doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19, sản xuất kinh doanh chưa thể phục hồi như trước, chi phí nguyên vật liệu đầu vào tiếp tục tăng cao đã ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp...

Dự kiến nhu cầu nhân lực tỉnh Khánh Hòa quý II/2022 tăng khoảng 5% so với quý I/2022, tập trung ở các ngành như Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...

Theo cơ cấu trình độ, dự báo nhu cầu tuyển dụng nhân lực có trình độ Đại học trở lên chiếm khoảng 5,58%; Cao đẳng 10,07%; Trung cấp 12,45%; Sơ cấp 18,53%; LĐPT chiếm khoảng 53,37%.

Trên đây là những thông tin được cập nhật tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa tổng hợp, phân tích, đánh giá và dự báo nhằm phục vụ cho định hướng kết nối cung – cầu lao động tại địa phương./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở LĐ-TBXH;
- P.LĐ-VL; P.KHTC (Sở LĐ-TBXH);
- Giám đốc Trung tâm DVVL Khánh Hòa;
- Các Sở, ban ngành tỉnh Khánh Hòa;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng LĐ-TBXH các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các trường ĐH, CĐ, TC trên địa bàn tỉnh;
- Website thongtinviectlamkhanhhoa.vn;
- Lưu: VT, P.TTTTLĐ.

Chu Văn Công